

Số: 351/2022/QĐST-HNGĐ

TP TH, ngày 07 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1969/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà NTDM - Sinh năm: 1993

Địa chỉ thường trú: Số 25 đường BT, tổ M, khu phố S, phường BTT, TP TH, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ: Số 94 đường MCT, khu phố B, phường AP, TP TH, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông VHH - Sinh năm: 1991

Địa chỉ thường trú: Số 4 đường LDC, khu phố B, phường BA, TP TH, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24/01/2022, ông VHH và bà NTDM đã thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

[2] Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24/01/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông VHH và bà NTDM thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông VHH và bà NTDM tự khai có 02 con chung tên VHÝ (giới tính nữ; sinh ngày 12/11/2015) và VHĐ (giới tính nam, sinh ngày 07/5/2021). Ông H và bà M thỏa thuận bà M trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên HĐ, ông H cấp dưỡng nuôi con tên HĐ 5.000.000đồng/tháng bắt đầu từ tháng 02 năm 2022 đến khi trẻ HĐ đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con thực hiện vào ngày 10 dương lịch hằng tháng; ông H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên HY, cấp dưỡng nuôi con chung tên HY đôi bên tự thỏa thuận.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

- Về tài sản chung: Ông VHH và bà NTDM tự khai tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Ông VHH và bà NTDM cùng tự khai không có.

Ngoài ra, ông VHH và bà NTDM không còn bất kỳ yêu cầu nào khác.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà NTDM tự nguyện chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà bà M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2021/0025160 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà NTDM đã nộp đủ tiền lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 54 do Ủy ban nhân dân phường AP, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2015 không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- CCTHADS TP.Thủ Đức;
- UBND P.AP, TP.Thủ Đức;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lưu Hải Quỳnh Anh